



**110學年度春季班外國學生申請入學
招生簡章**

**International Student Admission Guide
Spring Semester 2022**

**Yu Da University of Science and Technology
(Lớp mùa xuân năm học 2022)
Chương trình tuyển sinh**

Address : No. 168, Hsueh-fu Rd., Tan-wen Village, Chao-chiao Township, Miao-li County,
36143 Taiwan (R.O.C.)

Địa chỉ: Số 168 đường Học Phủ, thôn Văn Đàm, làng Tạo Kiêu, Huyện Miêu Lật, Đài Loan

Website : <http://www.ydu.edu.tw>

Tel : +886-37-651-188 ext. 8910~8911

Số điện thoại : +886-37-651-188 ext. 8910~8911

FAX : +886-37-652-825

Số FAX: +886-37-652-825

Những lịch trình quan trọng

110 學年度春季班外國學生申請入學

重要日程表

Admission Guidelines for International Students

Spring Semester 2022

Yu Da University of Science and Technology

Đại học Khoa học kỹ thuật Dục Đạt chiêu sinh kỳ học mùa Xuân 2022

項目 Events Lưu trình duyệt hồ sơ	日期 Dates Ngày tháng
簡章公告 Admission Guide Announcement Thông báo tuyển sinh	2021 年 09 月 15 日(三) September 15, 2021 15 tháng 9 năm 2021
申請截止日期 Application Deadline Hạn cuối nộp hồ sơ	2021 年 12 月 24 日(五) December 24, 2021 24 tháng 12 năm 2021
申請表件審查 Application Review Thời hạn duyệt hồ sơ	2021 年 12 月 27 日(一)至 2022 年 1 月 7 日(五) From December 27, 2021 to January 7, 2022 Từ ngày 27 tháng 12 năm 2021 đến ngày 7 tháng 1 năm 2022
寄發錄取通知 Sending Acceptance Letters Gửi thư nhập học	2022 年 01 月 10 日(一) January 10, 2022 Ngày 10 tháng 1 năm 2022
註冊入學截止日 Registration Deadline Hạn cuối làm thủ tục nhập học	2022 年 02 月 18 日(五) February 18, 2022 Ngày 18 tháng 2 năm 2022
開學日 First day of Semester Ngày nhập học	2022 年 02 月 21 日(一) February 21, 2022 Ngày 21 tháng 2 năm 2022

目錄

Table of Contents

Mục lục

壹、招生系所及名額 Academic Programs & Quotas for Admission Khoa tuyển sinh/chỉ tiêu...1	
貳、修業期限及畢業應修學分 Years of Study and Required Credits Thời gian học và số học phần bắt buộc để tốt nghiệp..... 2	
參、申請資格 Eligibility Điều kiện đăng ký.....2	
肆、申請規定事項 Application Requirements Hạng mục quy định khi đăng ký.....5	
伍、其他申請注意事項 Other Important Notices for Application Những điều cần nhớ khác khi đăng ký nhập học.....8	
陸、系所審查及公告錄取名單 Khoa thẩm duyệt công bố danh sách trúng tuyển..... 10	
柒、報到註冊 Registration Đăng ký báo danh..... 11	
捌、學雜費 Tuition and Other Fees Học phí và lệ phí..... 11	
玖、保險費 Insurance Bảo hiểm 13	
拾、住宿與生活費 Housing and Living Expenses Chi phí kí túc xá và sinh hoạt phí.....14	
附表 Appendix Biểu phụ lục	
1.資料記錄表 Application Checklist Biểu ghi chép tài liệu	
2.入學申請表 Application for Admission Đơn xin nhập học	
3.切結書 Declaration Giấy cam kết	
4.財力保證書 Financial Guarantee Giấy chứng minh tài chính	
5.留學(讀書)計畫 Study Plan Kế hoạch học tập	

產學合作國際專班申請入學招生簡章

Chương trình tuyển sinh đăng ký lớp chuyên ban quốc tế hệ vừa học vừa làm

壹、招生系所及名額 Academic Programs & Quotas for Admission

Các Khoa tuyển sinh và số lượng

學位別 Degree	系別 Department	招收名額 Quota for Admission
碩士學位 Master's Degree	資訊管理系 Ngành Quản lý thông tin Department of Information Management	9(註)
	*行銷與流通管理系 Ngành Quản lý Marketing và Logistics Department of Marketing and Logistics Management	
	*觀光休閒管理系 Ngành Quản lý Du lịch và Giải trí Department of Tourism and Leisure Management	
學士學位-四技 Bachelor's Degree	多媒體與遊戲設計系 Ngành Công nghệ đa phương tiện và thiết kế game Department of Multimedia and Game Design	42(註)
	物聯網工程與應用學士學位學程 Ứng dụng Internet vạn vật IoT Bachelor Degree Program of IOT Engineering and Applications	
	休閒運動管理系 Ngành Quản lý Thể thao giải trí Department of Recreational Sports Management	
	餐旅經營系 Ngành Quản lý Nhà hàng Khách sạn Department of Hospitality Management	
	時尚造型設計系 Ngành Thiết kế và tạo mẫu thời trang Department of Fashion Styling and Design	
	幼兒保育系 Ngành Chăm sóc và Giáo dục trẻ em Department of Child Care and Education	
	*行銷與流通管理系 Ngành Quản lý Marketing và Logistics Department of Marketing and Logistics Management	
	*應用日語系 Tiếng Nhật ứng dụng Department of Applied Japanese	
	*觀光休閒管理系 Ngành Quản lý Du lịch và Giải trí Department of Tourism and Leisure Management	
	*社會工作系 Ngành Công tác xã hội Department of Social Work	

1.修業期限及畢業應修學分 Years of Study and Required Credits Thời gian học và số học phần bắt buộc để tốt nghiệp

一、學士班-四技：4 至6 年

4 years undergraduate program : 4-6 years

Đào tạo hệ đại học chính quy: 4-6 năm

二、畢業應修學分：至少須修滿128學分

Required credits for graduation : 128 credits

Số học phần cần học được để tốt nghiệp: ít nhất 128 học phần

參、申請資格 Eligibility Điều kiện đăng ký

一、外國學生應不具中華民國國籍法第二條*所稱中華民國國籍，且未曾以僑生身份在臺就學者；或喪失中華民國國籍已滿八年者【不含港澳生或中華人民共和國之人士】，並於申請時連續居留海外六年以上者，得依外國學生入學辦法，提出入學申請。

International students are defined as students who have neither Republic of China Nationality according to Article 2 of the Nationality Law nor overseas Chinese student status. Those who have had their Republic of China nationality annulled for 8 years or more are eligible to apply as international students. This regulation does not apply to students who are citizens of Hong Kong, Macau or the People's Republic of China.

Sinh viên nước ngoài sẽ không có quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc như được nêu trong Điều 2 của Luật Quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc, và chưa từng là sinh viên nước ngoài học tập tại Đài Loan, hoặc những người đã mất quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc trong tám năm [không bao gồm sinh viên Hồng Kông, Macao và Trung Quốc], và những người đã ở nước ngoài hơn sáu năm tại thời điểm nộp đơn, có thể đăng ký nhập học theo phương thức tuyển sinh này.

依文化合作協議由外國政府、機構、學校、文教團體遴薦來台就學之該國國民，得不受前項規定限制。

International students who are recommended to study in Taiwan under cultural exchange and cooperation agreements with foreign governments, schools, institutions and cultural or educational organizations are not subject to the above limitation.

Những sinh viên đến Đài Loan học theo hiệp nghị hợp tác văn hóa của chính phủ nước ngoài, tổ chức, trường học và các tổ chức văn hóa và giáo dục nước ngoài, có thể không phải cần theo quy định nêu trên.

*註1：中華民國國籍法第二條：

有下列各款情形之一者，屬中華民國國籍：

1. 出生時父或母為中華民國國民。

(*民國69年2月9日(含9日)前出生者，僅以父親為準。)

2. 出生於父或母死亡後，其父或母死亡時為中華民國國民。

3. 出生於中華民國領域內，父母均無可考，或均無國籍者。

4. 歸化者。

According to Article 2 of the Nationality Law, a person shall have the nationality of the Republic of China under any of the following conditions:

1. His/Her father or mother was a national of the Republic of China, when he/she was born.

* If only the mother was a national of the Republic of China, this does not apply to those born on and before February 9, 1980.

2. He/She was born after the death of his/her father or mother, and his/her father or mother was a national of the Republic of China at the time of death.

3. He/She was born in the territory of the Republic of China and his/her parents cannot be ascertained or both were stateless persons.

4. He/She has undergone the nationalization process.

Preceding subparagraph 1 and 2 shall also apply to persons who were minors at the time of the revision and promulgation of this Law.

* Lưu ý 1: Điều 2 của Luật quốc tịch của Trung Hoa Dân Quốc:

Người thuộc một trong những trường hợp sau đây, sẽ mang quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc:

1. Khi sinh, cha hoặc mẹ là công dân của Trung Hoa Dân Quốc.

(* Những người sinh ra trước ngày 9 tháng 2 năm 1980, thì chỉ có Cha là công dân Trung Hoa dân quốc mới được mang quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc)

2. Sinh ra sau khi ba hoặc mẹ mất, và cha hoặc mẹ khi mất là công dân của Trung Hoa Dân Quốc.

3. Sinh ra tại lãnh thổ Trung Hoa Dân Quốc, không có cha mẹ hoặc cha mẹ đều không có quốc tịch.

4. Người nhập quốc tịch

二、具外國國籍且兼具香港或澳門永久居留資格，未曾在臺設有戶籍，並於申請時於香港、澳門或海外連續居留滿六年以上者，得依外國學生就學辦法，提出入學申請。

An applicant of foreign nationality, concurrently holding a permanent residence status in Hong Kong or Macao, having no history of a household registration record in Taiwan and, at the time of application, has resided in Hong Kong, Macao, or another foreign country for no less than 6 years is qualified to apply for admission under these regulations.

Những người có quốc tịch nước ngoài và có tư cách lưu trú vĩnh viễn tại Hồng Kông hoặc Macao, chưa từng có hộ khẩu ở Đài Loan và đã ở Hồng Kông, Macao hoặc ở nước ngoài liên tục hơn sáu năm tại thời điểm nộp đơn, có thể đăng ký nhập học theo quy định dành cho của sinh viên nước ngoài.

三、曾為大陸地區人民具外國國籍且未曾在臺設有戶籍，申請時已連續居留滿六年以上者得依外國學生就學辦法，提出入學申請。

An applicant being a former citizen of Mainland China and holds a foreign nationality, having no history of household registration record in Taiwan, and at the time of application, has resided overseas continuously for no less than 6 years is qualified to apply for admission under these regulations.

Từng là công dân khu vực Trung Quốc và có quốc tịch nước ngoài, chưa từng có hộ khẩu ở Đài Loan, Tại thời điểm nộp đơn đã cư trú liên tục 6 năm trở lên Những người đã ở lại hơn sáu năm tại thời điểm nộp đơn, có thể đăng ký nhập học theo quy định dành cho của sinh viên nước ngoài.

- 四、外國學生具高中畢業資格者，得申請入學本校修讀學士學位；具學士學位或同等學力資格者，得申請入學本校修讀碩士學位。具國內外大學相關同等學歷者，得申請轉學至本校就讀。

Foreign students with a diploma granted by a high school are eligible to apply for undergraduate study at Yu Da University of Science and Technology (YDU). Those with a degree diploma granted by an undergraduate college or a higher education institution are eligible to apply for graduate study. Those who are current college students in other colleges/universities are eligible to apply for transferring to YDU.

Sinh viên đã tốt nghiệp cấp ba có thể đăng ký học đại học tại Đại học KHKT Dục Đạt (YDU), Những người có bằng tốt nghiệp đại học hoặc có học lực tương đương, có thể xin học thạc sĩ tại trường. Những người hiện tại là sinh viên đại học ở các trường cao đẳng / đại học khác có thể nộp đơn xin chuyển sang YDU.

- 五、外國學生除在我國就讀外國僑民學校或我國高級中等學校附設之雙語部（班）畢業者外，已在中華民國取得高中畢業資格者，不得申請就讀學士學位。

Graduates from a foreign high school, a domestic school for overseas Chinese or the bilingual section of a national high school are qualified to apply, but those who received high school diplomas in R.O.C. are not qualified to apply as a foreign student.

Sinh viên nước ngoài đã tốt nghiệp THPT hoặc đã từng học lớp chuyên Song ngữ đều đủ điều kiện đăng ký học, nhưng đã tốt nghiệp trung học tại Trung Hoa Dân Quốc thì không được.

申請資格係依據教育部「外國學生來臺就學辦法」之規定，辦法若經修正，將以教育部公告為準。有關辦法之最新訊息，請洽詢教育部國際與兩岸合作教育司

(<http://www.edu.tw/Default.aspx?wid=409cab38-69fe-4a61-ad3a-5d32a88deb5d>)

The application eligibility is based on Ministry of Education (MOE) regulations regarding international students undertaking studies in Taiwan. If the MOE regulations are revised, the latest ones shall prevail. For the latest MOE regulations, visit the website <http://www.edu.tw/bicer>

Điều kiện nộp đơn dựa trên "Quy định cho sinh viên nước ngoài học tập tại Đài Loan" của Bộ Giáo dục. Nếu quy định được sửa đổi, Bộ Giáo dục sẽ thông báo. Để biết thông tin mới nhất về các quy định liên quan, xin vui lòng liên hệ với Phòng Giáo dục Hợp tác quốc tế giữa hai nước và quốc tế của Bộ Giáo dục.

<http://www.edu.tw/bicer>

肆、申請規定事項 Application Requirements

Hạng mục quy định tuyển sinh

一、入學申請表件請向國際與兩岸合作交流中心索取，或至本校網頁下載

I. The application form can either be obtained by mail from the Center for International & Cross-Strait Cooperation and Exchanges at YDU or downloaded from YDU website at <http://srice.ydu.edu.tw/front/bin/home.phtml>

Xin hồ sơ đăng ký nhập học tại trung tâm giao lưu hợp tác giữa hai nước và quốc tế, hoặc tải về tại trang Web của trường <http://srice.ydu.edu.tw/front/bin/home.phtml>

二、申請人須檢附下列資料，於 2021 年 12 月 24 日(五)前寄達本校；

地址：36143 苗栗縣造橋鄉談文村學府路 168 號；收件人：育達科技大學 國際與兩岸合作交流中心

II. Before December 24, 2021 applicants are required to submit the following documents to the Center for International & Cross-Strait Cooperation and Exchanges, Yu Da University of Science and Technology. The Address is: No. 168, Hsueh-fu Rd., Tan-wen Village, Chao-chiao Township, Miao-li County, 36143 Taiwan (R. O. C.).

Sinh viên nộp đơn cần kèm theo những giấy tờ sau, và gửi hồ sơ về trường trước ngày thứ sáu 12/24/2021 tại địa chỉ: Số 168, Hsueh-fu Rd., Tan -wen Village, thị trấn Chao-chiao, huyện Miao-li, 36143 Đài Loan (ROC)

(一) 入學申請表，2 吋半身脫帽近照 3 張，1 張附貼於申請表上

1. Application form : 3 passport-size photo (about 3.5cm × 4.5cm) one of them must be attached to the application form.

Đơn đăng ký, 3 ảnh 4*6 (chuyên làm hộ chiếu), 1 ảnh dán trên đơn đăng ký.

(二) 經我國駐外館處驗證蓋章之最高學歷畢業證書影本一份，並附加蓋學校章戳之中文或英文譯本。(馬來西亞籍申請者得免向我國駐外館處進行學歷文件驗證程序。)

2. One photocopy of the applicant's highest academic diploma notarized and stamped by the foreign representative office of the R.O.C. Also, attach a copy of notarized Chinese or English version if the original diploma is not in English or Chinese. (Malaysian applicants' diploma and transcripts don't need to be notarized and stamped by the foreign representation office of the R.O.C. in the country.)

Sinh viên nộp bản sao bằng tốt nghiệp cao nhất được công chứng và đóng dấu bởi văn phòng đại diện của Đài Loan ở nước ngoài. Ngoài ra, đính kèm một bản phiên dịch tiếng Trung hoặc tiếng Anh công chứng nếu bằng tốt nghiệp gốc không phải bằng tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc(Người quốc tịch Malaysia không cần phải công chứng và đóng dấu giấy tờ tại văn phòng đại diện nước ngoài của Trung Hoa Dân Quốc.)

◎應屆畢業生申請者，申請時可不須繳交畢業證書，但註冊時必須繳交，否則取消錄取資格。

Graduating students are not required to hand in their diploma during the application process. However, if admitted, diplomas must be submitted at the time of registration; otherwise, student's admissions offer will be revoked.

Sinh viên vừa tốt nghiệp khóa này, khi nộp đơn chưa cần nộp bằng tốt nghiệp, nhưng khi làm thủ tục nhập học phải nộp, nếu không, thủ tục sẽ bị hủy bỏ tư cách trúng tuyển.

(三) 經我國駐外館處驗證蓋章之最高學歷成績單影本一份，並附加蓋學校章戳之中文或英文譯本。(馬來西亞籍申請者得免向我國駐外館處進行學歷文件驗證程序。)

3. One photocopy of the official transcript of the highest academic degree notarized and stamped by the foreign representative office of the R.O.C. Also, attach a copy of notarized Chinese or English version if the original transcript is not in English or Chinese. (Malaysian applicants' diploma and transcripts don't need to be notarized and stamped by the foreign representation office of the R.O.C. in the country.)

Sinh viên nộp bản sao bằng tốt nghiệp cao nhất được công chứng và đóng dấu bởi văn phòng đại diện của Đài Loan ở nước ngoài. Ngoài ra, đính kèm một bản phiên dịch tiếng Trung hoặc tiếng Anh công chứng nếu bằng tốt nghiệp gốc không phải bằng tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc(Người quốc tịch Malaysia không cần phải công chứng và đóng dấu giấy tờ tại văn phòng đại diện nước ngoài của Trung Hoa Dân Quốc.)

◎畢業證書及成績單必須經由申請人原校所在地之我國駐外館處驗證蓋章，如該國無我國駐外館處，請至鄰近國家之我國駐外館處驗證蓋章。

The diploma and academic transcripts must be notarized and stamped by the foreign representative office of the R.O.C. in the country of the institution which originally issued the diploma and transcripts. If there is no Taiwan foreign representative office in the country, please inquire at the nearest one.

Bằng tốt nghiệp và bằng điểm phải được công chứng và đóng dấu bởi văn phòng ngoại giao nước ngoài của Đài Loan tại địa phương. Trường hợp nếu không có văn phòng ngoại giao Đài Loan ở nước này, vui lòng đến văn phòng ngoại giao của Đài Loan tại nước láng giềng gần nhất để công chứng đóng dấu.

Note/ghi chú

1. 大陸地區學歷：依大陸地區學歷採認辦法規定辦理
Academic credentials from Mainland China: The Regulations Governing the Accreditation of Schools in Mainland China shall apply.
Trình độ học vấn của sinh viên Trung Quốc đại lục: sẽ dựa theo quy định công nhận trình độ học vấn của sinh viên Trung Quốc để xử lý.
2. 香港或澳門學歷：依香港澳門學歷檢覈及採認辦法規定辦理
Academic credentials from Hong Kong or Macao: Academic Credential Verification and Accreditation Methods adopted in Hong Kong and Macao shall apply.
Trình độ học vấn của sinh viên Hồng Kông hoặc Macao: dựa theo quy định công nhận trình độ học vấn dành cho Hồng Kông và Macao để xử lý.
3. 海外臺灣學校及大陸地區臺商學校之學歷，同我國同級學校學歷。
Academic credentials earned at overseas Taiwan schools or Taiwan schools in Mainland China shall be regarded as the same as those at domestic schools with equivalent levels.
Trình độ học vấn của các trường Đài Loan ở nước ngoài hoặc các trường Đài Loan ở Trung Quốc đại lục sẽ có trình độ tương đương như ở các trường trong nước .
4. 香港、澳門及大陸地區以外之學歷，則依國外學歷採認辦法規定辦理。
Academic credentials earned at schools excluding Hong Kong, Macao and Mainland shall be subject to the Regulations Regarding the Assessment and Recognition of Foreign Academic Credentials for Institutions of Higher Education.
Ngoài trình độ học vấn của Hồng Kông, Macao và Đại lục ra, dựa theo quy định công nhận trình độ học vấn dành cho nước ngoài để xử lý.
5. 已在臺完成學士以上學位，繼續申請本校碩士班者，或在我國就讀外國僑民學校或我國高級中等學校附設之雙語部(班)畢業者，得持該等學校畢業證書辦理。
A foreign student who has completed the study and earned a bachelor degree or above, and plans to apply for advanced study in graduated program, or who graduates from a school for foreigners in R.O.C. or from a bilingual division (program) affiliated with a senior high school in R.O.C. may use the graduation certificate to apply for admission.
Những sinh viên nước ngoài đã hoàn thành chương cử nhân ở Đài Loan và muốn tiếp tục đăng ký chương trình thạc sĩ hoặc những người tốt nghiệp trường dành cho người nước ngoài hoặc trường (lớp) song ngữ của các trường cấp ba tại Đài Loan thì sẽ dùng giấy chứng nhận tốt nghiệp của những trường này để đăng ký.

(四) 留學 (讀書) 計畫。

4. Study plan. Kế hoạch học tập

(五) 護照影本或其他國籍證明文件。

5. Copy of passport or other equivalent verification of nationality.

Bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng minh quốc tịch khác.

(六) 切結書。

6. Declaration

Giấy cam kết

(七) 足夠在臺就學之財力證明，或政府、大專校院或民間機構提供全額獎助學金之證明。

7. Financial statement that demonstrates financial sustainability for study in Taiwan

Chứng minh tài chính đủ để có thể học tại Đài Loan, hoặc những chứng minh học bổng toàn phần mà chính phủ, các trường hoặc tổ chức trao tặng.

伍、其他申請注意事項 Other Important Notices for Application

Những điều cần nhớ khác khi đăng ký nhập học

一、申請以一系為限，申請人應注意申請資格之各項規定。

Applicants can only apply for one degree program at one time and need to follow all the application requirements.

Sinh viên chỉ có thể chọn 1 khoa và cần phải tuân theo tất cả các quy định tuyển sinh.

二、申請應繳交資料不全或書寫潦草致不能辨識者，無法受理，請自行負責。

Those who do not have complete documentation or illegible handwriting on their application package will assume full responsibility for a rejected application.

Sinh viên không nộp đầy đủ các tài liệu yêu cầu hoặc chữ viết tay không đúng của chính sinh viên, không thể làm thủ tục được thì sẽ phải tự mình chịu trách nhiệm.

三、無論錄取與否，申請表件概不退還，相關資料請自行影印留存。

Once the application is submitted, application documents will not be returned to applicants. Therefore, please make sure to keep copies of your original documents.

Bất kể sinh viên có được nhận hay không thì những giấy tờ đăng ký nhập học sẽ không được trả lại. Vui lòng giữ kỹ bản sao các tài liệu gốc của bạn.

四、依教育部規定，凡曾遭國內大專院校退學者，不得再向本校申請入學。若違反此規定並經查證屬實者，撤銷其入學資格。

According to the regulations enacted by the Ministry of Education, those who have been expelled by any university or college in the R.O.C. are not allowed to re-apply for admission. Violation of the regulation will result in the denial of admission.

Theo quy định của Bộ Giáo dục, những sinh viên bỏ học tại các trường cao đẳng và đại học trong nước không thể nộp đơn vào trường để dự tuyển. Nếu sinh viên vi phạm quy tắc này và sau khi được xác minh đó là sự thật sẽ bị loại.

Theo quy định của Bộ Giáo dục, những sinh viên bỏ học tại các trường cao đẳng và đại học trong nước không thể nộp đơn vào trường để dự tuyển. Nếu sinh viên vi phạm quy tắc này và sau khi được xác minh đó là sự thật sẽ bị loại.

五、已報名或錄取之學生，如經發現申請資格不符規定或所繳交之證件有變造、偽造、假借、冒用等不實情事者，未入學者，喪失其入學資格；已註冊入學者，除撤銷其學籍外，不發給任何學歷證明；如在本校畢業後始被發現者，撤銷其畢業資格，並公告註銷已領之學位證書。

Admission shall be revoked and/or the student shall be dismissed from YDU if any defect is found in the applicant's qualifications for application or in the authenticity of the documents submitted. Those who have graduated shall have their diploma revoked.

Những sinh viên đã báo danh hoặc trúng tuyển, nếu bị phát hiện không phù hợp với các quy định hoặc thay đổi, giả mạo, mượn, mạo danh ... nếu chưa nhập học sẽ không được nhập học, những người đã nhập học thì sẽ hủy tư cách sinh viên và không cấp cho bất cứ chứng nhận nào, nếu trường hợp sau khi tốt nghiệp nhà trường phát hiện, sinh viên sẽ hủy bỏ tư cách tốt nghiệp và thông báo hủy bỏ chứng nhận tốt nghiệp.

六、大學部課程主要以華文授課，申請人至少應具備華語文能力，且足以正式修讀大學所有課程。本校教學以中文（國語）為主。申請人之語文基礎能力由各系（所）於初審時認定之，必要時得通知申請人接受華語文能力測驗。

The main language used in undergraduate courses is Mandarin. Therefore, applicants are required with a certain level of proficiency on this language for study. The required proficiency levels vary from department to department. Each department will review and confirm its own required proficiency level. While it is necessary, applicants will be notified to take a Mandarin proficiency test.

Các khóa học chủ yếu được giảng dạy bằng tiếng Trung. Vì vậy sinh viên ít nhất phải có năng lực tiếng Hoa, hơn nữa phải đủ để tham gia tất cả các khóa học của Trường. Ngôn ngữ giảng dạy của trường chủ yếu bằng tiếng Trung Quốc (tiếng phổ thông). Năng lực ngoại ngữ cơ bản của sinh viên do các khoa nhận định khi thẩm định, nếu cần thiết sinh viên có thể được thông báo để làm bài kiểm tra trình độ tiếng Trung Quốc.

七、招生簡章由本校招生委員會進行審查，其委員會設置委員若干人，由校長、副校長、主任秘書、教務長、學生事務長、總務長、資圖長、招生長、副教務長、會計室會計主任、各學院院長及各招生類別屬性之各系、學位學程或單位主管組成之。

This international student handbook are reviewed by the admissions/student recruitment committee with president, vice president, chief secretary, dean of academic affairs, dean of student affairs, dean of general affairs, dean of information and library, dean of student recruitment, associate dean of academic affairs, director of accounting office, deans of colleges, chairpersons of departments or special curriculum.

Chương trình tuyển sinh này được xem xét bởi hội đồng tuyển sinh, trong hội đồng tuyển sinh có rất nhiều ủy viên, do Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, thư ký chủ nhiệm, Trưởng phòng giáo vụ, Trưởng phòng học vụ, Trưởng phòng tổng vụ, trưởng khoa thông tin và thư viện, trưởng khoa tuyển sinh, phó trưởng phòng giáo vụ, Chủ nhiệm phòng kế toán, Viện trưởng các học viện, các khoa tuyển sinh, và các đơn vị khác hợp thành.

八、招生糾紛申訴案件由主辦試務單位指派專人受理，必要時得組成專案小組，並視申訴事件之性質，邀請法律顧問一同參與，負責協助處理考生所提之各項申訴案件。

Appeal regarding recruitment dispute will be handled by the agent appointed by the host examination affairs office. A task force could be designated if it is necessary. Legal consultants would be invited to facilitate the process of appeal from the examinees.

Khiếu nại liên quan đến các vấn đề tuyển dụng sẽ được xử lý bởi văn phòng chịu trách nhiệm tuyển sinh. Trong trường hợp cần thiết sẽ thành lập ủy ban điều tra và dựa theo tính chất của sự việc, mời chuyên gia tư vấn pháp lý cùng tham dự, phụ trách hỗ trợ làm rõ các vấn đề khiếu nại

陸、系所審查及公告錄取名單

Departmental Reviews & Releasing Results

Danh sách đánh giá và thông báo của bộ

項目 Item Nội dung	時間 Date Thời gian	說明 Description Diễn giải
系所審查 Departmental reviewing Khoa xét duyệt hồ sơ	2021年12月27日(一)至2022年1月7日(五) Monday - Friday, December 27, 2021 – January 7 2022 Thứ 2- thứ 6, 2021/12/27 – 2022/01/07	學生資料由申請系所進行書面審查 Applications submitted will be reviewed during this period. Khoa tuyển sinh xét duyệt các hồ sơ tuyển sinh

註：1.公告網址：<http://srice.ydu.edu.tw/front/bin/home.phtml>
Results will be released at website: <http://dev.ydu.edu.tw/~InternationalCenter/>
Kết quả sẽ được công bố tại trang web <http://srice.ydu.edu.tw/front/bin/home.phtml>

2.除公告錄取名單外，本校另函寄發錄取通知。
Admitted students will also receive notification through express mail, in addition to the release of admission.
Ngoài thông báo danh sách nhập học, trường sẽ gửi thông báo trúng tuyển đến sinh viên.

3.各系招生人數未達本校最低開班人數時，本校保留是否開班權力。並輔導學生轉系轉班就讀，不願接受者，視同放棄錄取資格。
Trong trường hợp số sinh viên dự tuyển của khoa tuyển sinh chưa đạt được số lượng ít nhất cần để mở lớp, trường có quyền quyết định xem có nên mở lớp hay không, đồng thời hỗ trợ sinh viên chuyển khoa, nếu sinh viên không chấp thuận có thể từ chối nhập học.

柒、報到註冊 Registration Báo danh đăng ký

一、錄取生應依錄取通知之規定辦理報到註冊手續，並繳驗護照、學位證書及成績單（須經台灣駐外單位或代表處驗證蓋章），始得註冊入學。逾期未報到且未經核准保留入學資格或延期註冊者，喪失入學資格。

Admitted students should arrive in campus for registration prior to the date specified. Students should bring their original passport, diploma and transcripts, and officially stamped/sealed by the Taiwan Overseas Mission in the country of the school's location at the time of registration. Admission is subject to cancellation if not registered on time

Sinh viên trúng tuyển phải làm thủ tục nhập học theo quy định trên thông báo trúng tuyển, và nộp hộ chiếu, văn bằng và bằng điểm để đối chiếu (phải được xác minh và đóng dấu bởi các đơn vị cư trú Đài Loan hoặc văn phòng đại diện), mới bắt đầu đăng ký nhập học, những học sinh quá thời gian không đến báo danh và không được chấp nhận bảo lưu tư cách nhập học hoặc kéo dài thời gian báo danh, sẽ bị mất tư cách nhập học.

二、外國學生註冊時，應檢附醫療及傷害保險或全民健康保險等相關保險證明文件；未投保者，應於註冊時繳納保險費，由本校代辦投保事宜。

Applicants should present medical and personal accident insurance or national health insurance upon registration. Those who have not been insured should pay the insurance fees at the time of registration. Students may register for health insurance through the university.

Khi sinh viên nước ngoài đăng ký nhập học phải đính kèm các tài liệu bảo hiểm có liên quan như bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn hoặc bảo hiểm y tế toàn dân, những người chưa có bảo hiểm nhà trường sẽ giúp đăng ký bảo hiểm tại thời điểm nhập học.

三、錄取生經註冊入學後，其學分抵免悉依本校「辦理學生抵免學分審核作業要點」辦理。

Students must follow Credit-Transfer Policy of YDU when transferring credits from other educational institutions.

Sinh viên sau khi đăng ký báo danh nhập học, muốn miễn giảm học phần phải dựa theo quy định “Điểm trọng yếu việc thẩm duyệt miễn giảm học phần cho học sinh”.

四、入學本校之海外中五學制畢(結)業生，其畢業學分依各系規定另行加修十二學分。

International students who have completed the second year courses of high school overseas have to take twelve extra credit hours required by each department while studying at YDU.

Sinh viên quốc tế tốt nghiệp hoàn thành chế độ 5 năm cấp ba theo học tại trường Dự Đạt thi học phần tốt nghiệp sẽ theo quy định của khoa và phải học thêm 12 học phần nữa.

捌、學雜費 Tuition and Other Fees Học phí và lệ phí khác

一、110 學年春季班學雜費收費標準(如下表)：

The following tuition fees apply to the students admitted to Spring 2022. All fees shown are in New Taiwan Dollar (NTD).

Học phí sau đây áp dụng cho các sinh viên khóa Mùa xuân 2022. Tất cả các khoản phí được tính bằng Đài tệ (NTD).

The tuition fee for one semester is as follows: Học phí cho một học kỳ như sau

學位別 Degree	系別 Department	學雜費 Tuition and Other Fees
碩士學位 Master's Degree Hệ Thạc sỹ	資訊管理系 Ngành Quản lý thông tin Department of Information Management	NTD 51,643
	行銷與流通管理系 Ngành Quản lý Marketing và Logistics Department of Marketing and Logistics Management	NTD 45,020
	觀光休閒管理系 Ngành Quản lý Du lịch và Giải trí Department of Tourism and Leisure Management	
學士學位-四技 Bachelor's Degree Hệ Đại học	多媒體與遊戲設計系 Ngành Công nghệ đa phương tiện và thiết kế game Department of Multimedia and Game Design	NTD 51,643
	物聯網工程與應用學士學位學程 Ứng dụng Internet vạn vật IoT Bachelor Degree Program of IOT Engineering and Applications	
	行銷與流通管理系 Ngành Quản lý thông tin Department of Marketing and Logistics Management	NTD 45,020
	應用日語系 Tiếng Nhật ứng dụng Department of Applied Japanese	
	幼兒保育系 Ngành Chăm sóc và Giáo dục trẻ em Department of Child Care and Education	
	社會工作系 Ngành Công tác xã hội Department of Social Work	
	觀光休閒管理系 Ngành Quản lý Du lịch và Giải trí Department of Tourism and Leisure Management	
	休閒運動管理系 Ngành Quản lý Thể thao giải trí Department of Recreational Sports Management	
	餐旅經營系 Ngành Quản lý Nhà hàng Khách sạn Department of Hospitality Management	
	時尚造型設計系 Ngành Thiết kế và tạo mẫu thời trang Department of Fashion Styling and Design	

玖、保險費 Insurance Tiền bảo hiểm

<p>學生團體保險費(併入學雜費繳費單) Student Insurance Bảo hiểm tập thể sinh viên (sẽ được ghi rõ trong phiếu thu tiền học và lệ phí)</p>	<p>新臺幣390元/一學期 NTD 390/per semester 390 Đài tệ/học kì (依當年度實際金額為主) (Theo số tiền thực tế của năm học)</p>
<p>外國學生醫療保險 (學生前六個月若無保險) International Student Health Insurance (for students without coverage for the first sixth months of study) Bảo hiểm sức khỏe sinh viên quốc tế (dành cho sinh viên không có bảo hiểm trong sáu tháng đầu tiên học tập)</p>	<p>新臺幣3,600 元/六個月 NTD 3,600/6 months (依當年度實際金額為主) 3,600 Đài tệ/học kỳ</p>
<p>全民健保 (入學後第七個月開始) National Health Insurance (starting from the seventh month of enrollment) Bảo hiểm y tế toàn dân (bắt đầu từ tháng thứ bảy sau khi nhập học)</p>	<p>新臺幣4,956元/六個月 NTD 4,956/6 months 4,956 Đài tệ/học kỳ</p>

學生於註冊時，應檢附於國外投保自入境當日起至少六個月，並經駐外館處認證且得於台灣使用之健康保險。未投保者，應於註冊時繳納保險費，由本校代辦投保事宜（國際學生在台滿六個月後須加入全民健保）。

International students should purchase their own health insurance for the first six months of their stay in Taiwan, until they are eligible to enroll in the National Health Insurance Program. Overseas insurance should be certified by the foreign representative office of the R.O.C. in the student's country.

Those who have not been insured should pay the insurance fees at the time of registration. Students should register for National Health Insurance starting from the seventh month of enrollment.

Khi báo danh nhập học, phải kèm theo bảo hiểm y tế từ khi nhập cảnh đến ít nhất sáu tháng, và phải thông qua văn phòng đại diện Ngoại giao chứng nhận và có thể sử dụng ở Đài Loan. Những sinh viên chưa mua bảo hiểm, cần phải mua ngay ngày đầu tiên báo danh nhập học, do nhà trường thay mặt mua giúp (Sinh viên quốc tế 6 tháng sau khi nhập cảnh cần mua bảo hiểm toàn dân)

拾、住宿與生活費 Housing and Living Expenses

Chi phí kí túc xá và sinh hoạt phí

一、住宿費：每學期新台幣9,500元

Dormitory fee: NTD 9,500/per semester (一學期)

Tiền kí túc xá: 9,500 Đai tệ / học kì (1 học kỳ)

二、除了學雜費及住宿費用外，生活費每個月約NTD5,000~NTD6,000；書籍費依照所修習的課程而有不同，書籍費每學期約為NTD3,000~NTD4,000。

In addition to tuition fees and housing costs, cost of living expenses are estimated to be around NTD5,000- NTD6,000 per month. Book expenses vary from course to course. The cost for books is expected to be around NTD3,000- NTD4,000 per semester.

Ngoài tiền học phí và kí túc xá, phí sinh hoạt mỗi tháng khoảng 5,000-6,000 đai tệ . Tiền sách tùy theo các môn học mà có mức tiền khác nhau, giá tiền khoảng 3,000-4,000 đai tệ mỗi học kì.

三、依本校「學生宿舍管理規則」第五條規定，大學部日間部新生應統一安排住宿，便於輔導適應大學生活。

In order to facilitate the accommodation to campus life, every students in the first year of YDU are regnired to live on campus according to Dormitory Management policy.

Theo điều 5 quy định quản lý ký túc xá sinh viên của trường , Sinh viên năm nhất hệ chính quy đều phải ở trong ký túc xá của trường để tiện cho việc hướng dẫn sinh viên thích ứng cuộc sống trên đại học.



育達科技大學外國學生繳交資料記錄表

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHKT DỤC ĐẠT

BẢNG GHI CHÉP GIAO NHẬN TÀI LIỆU SINH VIÊN

QUỐC TẾ

Application Checklist
Đơn đăng kí

申請系所 Program Khoa : _____

修讀學位 Degree Pursued Trình độ học: 學士 Bachelor Cử nhân 碩士 Master Thạc sĩ

中文姓名 (Chinese) - Full name Họ tên tiếng Trung: _____

英文姓名 (English) Tên tiếng Anh - Last name Họ: _____ First name Tên: _____

聯絡 Telephone Số điện thoại: _____ E-mail: _____

Address Địa chỉ: _____

應繳交資料 (提出申請表時請自行勾選下列已繳交項目) :

Required documents for application (Please place a check mark in the space provided.)

Các giấy tờ cần thiết (Đánh dấu vào ô trống)

勾選 check	繳交資料項目 Required Documentation Giấy tờ cần thiết	份數 No. of Copy Số bản copy	勾選 check	繳交資料項目 Required Documentation Giấy tờ cần thiết	份數 No. of Copy Số bản copy
	入學申請表(浮貼照片) Completed application form Đơn đăng kí	1		2 吋白底照片(3.5cm*4.5cm) 2 ảnh phông nền trắng (3.5cm*4.5cm)	2
	切結書 Declaration Giấy cam kết	1		留學(讀書)計畫 Study plan Kế hoạch học tập	1
	護照影印本 Photocopy of passport Hộ chiếu bản photocopy	1		經駐外館處驗證之歷年成績單 Official transcripts of academic records, notarized and stamped by the foreign representative office of the R.O.C. (if written in a language other than Chinese and English should be translated into Chinese or English and notarized.)	1
	畢業證書原文影印本 Certified photocopy of the original diploma Bản sao bằng tốt nghiệp gốc	1			

勾選 check	繳交資料項目 Required Documentation Giấy tờ cần thiết	份數 No. of Copy Số bản copy	勾選 check	繳交資料項目 Required Documentation Giấy tờ cần thiết	份數 No. of Copy Số bản copy
	<p>經我國駐外使領館、代表處、辦事處或其他經外交部授權機構（以下簡稱駐外館處）驗證之外國學校最高學歷或同等學力證明文件（中、英文以外之語文，應附中文或英文譯本）</p> <p>One photocopy of the applicant's highest education diploma notarized and stamped by the foreign representative office of the R.O.C. (if written in a language other than Chinese and English should be translated into Chinese or English and notarized.)</p> <p>Một bản sao bằng tốt nghiệp học vị cao nhất được công chứng và đóng dấu bởi văn phòng đại diện nước ngoài của R.O.C. (nếu được viết bằng ngôn ngữ khác tiếng Trung và tiếng Anh thì nên dịch sang tiếng Trung hoặc tiếng Anh và có công chứng.)</p>	1		<p>Bảng điểm chính thức được công chứng và đóng dấu bởi văn phòng đại diện nước ngoài của R.O.C. (nếu được viết bằng ngôn ngữ khác tiếng Trung và tiếng Anh thì nên dịch sang tiếng Trung hoặc tiếng Anh và có công chứng.)</p>	

※本表單蒐集之個人資料，僅限於學生資料管理目的使用，非經當事人同意，絕不轉做其他用途，亦不會公佈任何資料，並遵循本校資料保存與安全控管辦理。

※Personal data this form collects will only be used for the purpose of managing students' information. This shall not be used for other purpose nor made public without explicit permission and will be subject to the school's policy of data retention and identity security.

Tư liệu cá nhân trong biểu đơn này, chỉ sử dụng với mục đích quản lý tư liệu sinh viên, không có sự đồng ý của đương sự, không được dùng vào mục đích khác, và không được công bố bất cứ thông tin gì, đồng thời tuân theo quy định quản lý tài liệu an toàn của trường

外國學生入學申請表

International Student Application For Admission

Đơn xin nhập học của sinh viên quốc tế

No. 168, Hsueh-fu Rd, Tanwen Village, Chaochiao Township, Miaoli County,

36143 Taiwan (R.O.C.) Phone:+886-37-651188#8910-8911 Fax:+886-37-652825

<http://www.ydu.edu.tw>

請貼上最近三個月內二吋照片

Attached photo must be taken within the last 3 months (Approx. size:1"x2")

►申請人須以正楷詳細逐項填寫

Read and complete carefully. Please type or print clearly.

Vui lòng đọc và điền cẩn thận

姓名 Full Name Họ và tên	(中文 In Chinese) (bằng tiếng Trung)		性別 Sex Giới tính	<input type="checkbox"/> 男 Male Nam <input type="checkbox"/> 女 Female Nữ
	(英文 In English) (bằng tiếng Anh)			
住址 Home Address Địa chỉ	Họ _____ (First) Tên _____ (Middle) Tên (Last)		電話 Telephone Điện thoại	
出生日期 Date of Birth Ngày sinh			手機 Cell Phone Di động	
出生地點 Place of Birth Nơi sinh		國籍 Quốc tịch		
婚姻狀況 Marital Status Tình trạng hôn nhân		子女人數 No. of Children Số con	護照號碼 Passport No. Số hộ chiếu	
出生地點 Place of Birth Nơi sinh		國籍 Quốc tịch	配偶姓名 Spouse Name Tên chồng/vợ	

►監護人資料/Information of Legal Guardian Thông tin người giám hộ

姓名 Full Name Họ tên	(中文 In Chinese) (bằng tiếng Trung)		與申請人關係 Relationship Mối quan hệ	
	(英文 In English) (bằng tiếng Anh)			
住址 Home Address Địa chỉ	_____(First) Tên _____ (Middle) Tên _____ (Last) Họ		職業 Occupation Nghề nghiệp	
			電話 Telephone Điện thoại	
			手機 Cell Phone Di động	

►擬申請就讀系所及學位/Intended degree of study Đăng ký theo học khoa và hệ

系所/Program Khoa		
學位/Degree Trình độ	<input type="checkbox"/> 攻讀學位 Degree Bằng cấp	學位/Degree Trình độ
	<input type="checkbox"/> 選讀學分 Non-degree Không bằng cấp	

►教育背景/Educational Background Quá trình đào tạo

學校名稱 Name of School Tên trường	學校所在地 Address Địa chỉ	文憑 Certificate/Diploma/Degree Bằng cấp	修業起迄年月 Period Attending Thời gian học	主修 Major Ngành học

►語文能力(請用優、良、可、差)

Language proficiency (Please use one of these words: excellent, good, fair, poor)

Năng lực ngôn ngữ (chọn một trong các từ sau: xuất sắc, tốt, bình thường, yếu)

語文 Language	能力 Proficiency	聽 Listening Nghe	說 Speaking Nói	讀 Reading Đọc	寫 Writing Viết	修習年數 Years of learning Số năm học
	中文 Chinese Tiếng Trung					
英文 English Tiếng Anh						
其他外語 Other languages Ngôn ngữ khác						其他外語 Other languages Ngôn ngữ khác
是否參加過語文能力測驗? Have you taken any language proficiency test? Bạn đã từng tham gia kì thi đánh giá năng lực ngôn ngữ? <input type="checkbox"/> 是 Yes Có <input type="checkbox"/> 否 No Không		何種測驗? What kind of test? Kì thi nào?				分數 Score Bao nhiêu điểm
		1.				
		2.				

►財力支援/Financial Support Hỗ trợ tài chính

在本校求學期間各項費用來源

What will be your major financial resource while studying at YDU? Nguồn tài chính chủ yếu trong quá trình học tập ở trường YDU đến từ đâu?

<input type="checkbox"/> 個人儲蓄 Personal Savings Tiết kiệm cá nhân	<input type="checkbox"/> 個人儲蓄 Personal Savings Tiết kiệm cá nhân	<input type="checkbox"/> 個人儲蓄 Personal Savings Tiết kiệm cá nhân
---	---	---

<input type="checkbox"/> 其他 Others Khác	<input type="checkbox"/> 其他 Others Khác
---	---

➤ 其他資料/Other Information Thông tin khác

健康情形 Health Condition Tình trạng sức khỏe	<input type="checkbox"/> 佳 Good Tốt <input type="checkbox"/> 尚可 Average Bình thường <input type="checkbox"/> 差 Poor Yếu		
如有疾病或缺陷，請敘明 If you have a health problem, please specify. Nếu có vấn đề về sức khỏe xin hãy ghi rõ			
工作經歷 Work Experience Kinh nghiệm làm việc			
課外活動 Extracurricular Activities Hoạt động ngoại khóa			
著作 Publications Tác phẩm		著作 Publications Tác phẩm	

※本表單蒐集之個人資料，僅限於學生資料管理目的使用，非經當事人同意，絕不轉做其他用途，亦不會公佈任何資料，並遵循本校資料保存與安全控管辦理。

※Personal data this form collects will only be used for the purpose of managing students' information. This shall not be used for other purpose nor made public without explicit permission and will be subject to the school's policy of data retention and identity security.

切結書 Declaration

GIẤY CAM KẾT

申請人姓名 Full Name Họ tên :	(中文in Chinese) Tên tiếng Trung :
	(英文in English) Tên tiếng Anh :
申請系所 Program/Department Khoa/Nghành	
修讀學位 Degree Pursued Học vị	

1.本人保證不具中華民國國籍法第二條*所稱中華民國國籍且未具僑生身分，或已喪失中華民國國籍滿八年。

I hereby certify that I have neither overseas Chinese status nor R.O.C. nationality, as defined in Article 2 of the Nationality Law*, nor have I been R.O.C. national in the last eight years.

Tôi cam kết không có quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc như được nêu trong Điều 2 của Luật Quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc * và không phải là Hoa kiều, hoặc mất quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc trong vòng tám năm.

2.本人所提供之最高學歷證明(申請大學部者提出高中畢業證書、申請碩士班者提出大學畢業證書、申請博士班者提出碩士畢業證書)，在畢業學校所在地國家均為合法有效取得畢業資格，並所持之證件相當於中華民國國內之各級合法學校授予之相當學位。如有不實或不符規定或變造之情事，經查屬實即取消入學資格，並註銷學籍，且不發給任何有關之學分證明或畢業證書。

The diploma granted by the educational institute I last attended is valid and has been awarded legally in the country where I graduated. The certificate is comparable to that which is awarded by certified schools in Taiwan. If any cheating, violation, or forgery is discovered, my admissions offer and student status will be revoked, and no transcript or diploma will be issued.

Chúng chỉ học vị cao nhất do người nộp đơn cung cấp (xin học chương trình đại học thì lấy bằng

tốt nghiệp trung học, xin học trường trình thạc sĩ thì lấy bằng tốt nghiệp đại học và xin học chương trình tiến sĩ thì lấy bằng thạc sĩ), là bằng tốt nghiệp có hiệu lực được trường tại quốc gia sở tại cấp phát và các tài liệu này tương đương với bằng cấp được các trường học hợp pháp ở tất cả các cấp tại Trung Hoa Dân Quốc cấp phát. Nếu có bất kỳ điều gì không đúng sự thật, không phù hợp quy định hoặc thay đổi, sau khi xem xét đúng là như thế, người nộp đơn sẽ bị loại bỏ tư cách tuyển sinh và tư cách sinh viên, và không cấp giấy chứng nhận học phần hoặc bằng tốt nghiệp.

3. Bản人所提供之所有相關資料 (包括學歷、護照及其他相關文件之正本及影本) 均為合法有效之文件, 如有不符規定或變造之情事, 經查屬實及取消入學資格, 且不發給任何有關之學分證明。

All of the documents provided (including diploma, passport and other relevant documents, original or copy) are valid documents. Should any document is not matching, my admission to YDU will be revoked, and no credit-related certification will be issued.

Tất cả các tài liệu quan do tôi cung cấp (bao gồm học lực, hộ chiếu và bản chính, bản photo của những giấy tờ liên quan khác) là tài liệu hợp pháp và có hiệu lực, nếu có bất cứ điều gì không phù hợp quy định hoặc thay đổi nào, thông qua việc kiểm tra chứng thực là đúng sẽ hủy bỏ tư cách nhập học, đồng thời không phát bất cứ chứng nhận học phần nào.

4. 本人取得入學許可後, 在辦理報到時, 須繳交經中華民國 (台灣) 駐外單位或代表處驗證之畢業證書及成績單 (認證章) 正本, 始得註冊入學, 屆時若未如期繳交或經查證結果有不符合中華民國教育部「大學辦理國外學歷採認辦法」之規定, 即由 貴校取消入學資格, 絕無異議。

Admitted applicants must present original diplomas and transcripts, officially stamped/sealed by a Taiwan overseas representative office in the country of the school's location, or the nearest Taiwan overseas representative office, at the time of registration. If the related certificates cannot be submitted on time or are unacceptable in accordance with the rules of foreign degree authentication promulgated by the Ministry of Education, the undersigned will abandon the enrollment qualification, without any objection.

Sau khi nhận được giấy nhập học, khi tới văn phòng trường báo cáo phải đưa ra bằng tốt nghiệp gốc của bằng tốt nghiệp và bằng điểm (tem chứng nhận) được xác nhận bởi đơn vị cư trú hoặc văn phòng đại diện của Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan), bắt đầu đăng ký nhập học, nếu không giao nộp đúng thời hạn hoặc không phù hợp với quy định về “ chứng nhận trình độ học vấn của sinh viên nước ngoài của trường Đại học” của bộ giáo dục, thì trường sẽ hủy bỏ tư cách nhập học.

5. 本人不曾在台以外國學生身份完成高中學校學程，亦未曾遭中華民國國內大專院校退學。

I hereby certify that I did not complete a high school program in the Republic of China under international student status, and I have never been expelled from any university or college in the Republic of China.

Tôi đảm bảo chưa từng hoàn thành cấp ba với tư cách là sinh viên nước ngoài tại Đài Loan, cũng chưa từng thôi học khỏi các trường cao đẳng và đại học trong nước của Trung Hoa Dân Quốc.

6. 本人保證不具香港或澳門或中華人民共和國國籍。

I hereby certify that I do not hold the nationality of Hong Kong, Macau, or the People's Republic of China.

Tôi đảm bảo rằng bản thân không có quốc tịch Hồng Kông, Ma Cao hoặc Trung Quốc

上述所陳之任一事項同意授權 貴校查證，如有不實或不符規定等情事，於入學後經查證屬實者，本人願意接受 貴校註銷學籍處分，絕無異議。

I authorize Yu Da University of Science and Technology to verify the information provided above. If any thereof is found to be false after admission, I have no objection to being deprived of registered student status.

Tôi đồng ý cho trường Đại học khoa học và công nghệ Dục Đạt kiểm tra xác minh những thông tin cung cấp phía trên, nếu có bất kỳ điều gì được phát hiện là không đúng quy định sau khi nhập học, tôi không phản đối việc bị tước bỏ tư cách sinh viên đã đăng ký.

申請人簽名日期

Applicant's Signature Người làm đơn ký tên : _____

Date Ngày tháng : _____

(month) tháng/ (day) ngày/ (year) năm

※本表單蒐集之個人資料，僅限於學生資料管理目的使用，非經當事人同意，絕不轉做其他用途，亦不會公佈任何資料，並遵循本校資料保存與安全控管辦理。

※Personal data this form collects will only be used for the purpose of managing students' information. This shall not be used for other purpose nor made public without explicit permission and will be subject to the school's policy of data retention and identity security.



財力保證書

Financial Guarantee
Chứng minh tài chính

本人_____ 與被保證人_____

(請填寫姓名) (請填寫被保證人姓名)

關係為_____，願擔保被保證人在育達科技大學就學及生活所需一切費用支出。

此 致

育達科技大學

I, _____, and the
 applicant, _____,
 (Guarantor's Name) (Applicant's Name)

hereby guarantee that the applicant's total living and tuition expenses while attending Yu Da University of Science and Technology will be paid in full.

Submitted to

Yu Da University of Science and Technology

Tôi là _____ và người được bảo lãnh _____

(tên người điền đơn)

(tên người được bảo trợ)

Có quan hệ_____, tôi đảm bảo người được bảo lãnh sẽ chi trả tất cả các chi phí sinh hoạt và học tập tại trường Đại Học Khoa Học Và Công Nghệ Dục Đạt

Gửi cho trường Đại Học Khoa Học Và Công Nghệ Dục Đạt

保證人(Guarantor) Người bảo lãnh : _____

與被保證人之關係(Relationship to applicant) Mối quan hệ với người được bảo lãnh : _____

護照(居留證)號碼(Passport (ARC) No.) Số Hộ chiếu: _____

聯絡電話(Tel) Số điện thoại: _____

電子郵件(E-mail): _____

具結日期(Date) Ngày: _____年(Y) _____月(M)_____日(D)

※本表單蒐集之個人資料，僅限於學生資料管理目的使用，非經當事人同意，絕不轉做其他用途，亦不會公佈任何資料，並遵循本校資料保存與安全控管辦理。

※Personal data this form collects will only be used for the purpose of managing students' information. This shall not be used for other purpose nor made public without explicit permission and will be subject to the school's policy of data retention and identity security.

